

Số: 47/2014/TT-BCA

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính

Căn cứ Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính (sau đây viết gọn là Nghị định số 115/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2014/NĐ-CP ngày 25/3/2014);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nơi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính (sau đây viết gọn là tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu); bảo đảm an toàn khi quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu; bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu; giao phương tiện giao thông vi phạm hành chính cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản; đặt tiền bảo lãnh phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính; trình tự, thủ tục trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ; thu, nộp, quản lý, sử dụng phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu.

Chương II QUẢN LÝ, BẢO QUẢN TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN BỊ TẠM GIỮ, TỊCH THU

Điều 3. Điều kiện nơi tạm giữ tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu

1. Đối với nơi tạm giữ là nhà, kho, bãi

a) Phải bảo đảm an toàn, điều kiện vệ sinh môi trường và không gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người. Trường hợp nơi tạm giữ tang vật, phương tiện ở ngoài trời thì phải bố trí mái che hoặc phương tiện chống mưa, nắng khác.

b) Phải bảo đảm khô ráo, thoáng khí; có hệ thống thiết bị chiếu sáng.

c) Xung quanh phải có hàng rào bảo vệ an toàn, có hệ thống thoát nước.

d) Phải có nội quy về phòng cháy và chữa cháy; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy phù hợp.

đ) Có các thiết bị, phương tiện kỹ thuật phù hợp cho việc quản lý, bảo quản từng loại tang vật, phương tiện bị tạm giữ. Thủ trưởng nơi tạm giữ tang vật, phương tiện phải xây dựng và tổ chức thực tập phương án phòng, chống cháy, nổ.

2. Đối với nơi tạm giữ là bến nước, âu thuyền phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại các điểm a, b Khoản 1 Điều này. Riêng nơi tạm giữ là bến nước thì còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn của bến thủy nội địa.

3. Đối với nơi tạm giữ là trụ sở cơ quan hoặc nơi khác do người có thẩm quyền tạm giữ, tịch thu quyết định nhưng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các điểm a, b Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Bảo đảm an toàn khi quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu

1. Đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu là máy móc, phương tiện có sử dụng xăng, dầu hoặc các nhiên liệu dễ gây cháy, nổ, trước khi đưa vào nơi tạm giữ phải hút hết nhiên liệu ra khỏi bình chứa.

2. Đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu là hàng hóa, vật phẩm dễ gây ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh, dễ bị hư hỏng phải có các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phù hợp để bảo quản trong thời gian tạm giữ.

3. Nghiêm cấm đưa vào nơi tạm giữ những chất dễ gây cháy, nổ, chất độc, chất phóng xạ nếu nơi tạm giữ không có những điều kiện, phương tiện kỹ thuật bảo quản các chất đó.

Điều 5. Bố trí nơi tạm giữ tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu

1. Nơi tạm giữ tang vật, phương tiện có thể là nơi tạm giữ riêng của một cơ quan hoặc nơi tạm giữ chung của nhiều cơ quan có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm.

Đối với cơ quan thường xuyên phải tạm giữ tang vật, phương tiện với số lượng lớn, thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cấp đất và kinh phí để xây dựng nơi tạm giữ.

2. Trường hợp cơ quan tạm giữ tang vật, phương tiện chưa đủ điều kiện để xây dựng nơi tạm giữ hoặc quy mô xây dựng nơi tạm giữ không đủ để quản lý, bảo quản hết tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu thì cơ quan có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện có thể thuê nơi tạm giữ riêng của cơ quan mình.

Việc thuê nơi tạm giữ phải ký kết hợp đồng. Nội dung hợp đồng phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ luật dân sự và các yêu cầu của hoạt động quản lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính, trong đó bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng của hợp đồng; giá, phương thức thanh toán; thời hạn, phương thức thực hiện hợp đồng; quyền, nghĩa vụ của các bên; trách nhiệm bồi thường do vi phạm hợp đồng; các nội dung khác.

3. Trường hợp tạm giữ tang vật, phương tiện với số lượng ít hoặc tang vật, phương tiện là những vật nhỏ, gọn mà xét thấy không cần thiết phải chuyển đến nơi tạm giữ là nhà, kho, bến, bãi thì người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện có thể quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện đó tại trụ sở cơ quan của mình. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện phải giao tang vật, phương tiện bị tạm giữ cho cán bộ có đủ khả năng và điều kiện quản lý.

4. Trong trường hợp không thể bố trí nơi tạm giữ tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì nơi tạm giữ tang vật, phương tiện là nơi do người có thẩm quyền tạm giữ, tịch thu quyết định nhưng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Điều 6. Bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu

Cơ quan có nơi tạm giữ tang vật, phương tiện hoặc được giao quản lý nơi tạm giữ chung phải bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, cụ thể như sau:

1. Trường hợp nơi tạm giữ tang vật, phương tiện là nơi tạm giữ riêng của một cơ quan thì thủ trưởng cơ quan đó bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện.

2. Trường hợp nơi tạm giữ tang vật, phương tiện là nơi tạm giữ chung của nhiều cơ quan khác nhau ở địa phương thì việc bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc theo thỏa thuận giữa các cơ quan ở địa phương.

Điều 7. Giao phương tiện giao thông vi phạm hành chính cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản

Giao phương tiện giao thông vi phạm hành chính cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 115/2013/NĐ-CP và các quy định sau đây:

1. Phương tiện giao thông vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu tổ chức, cá nhân vi phạm có đủ một trong các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 115/2013/NĐ-CP thì người có thẩm quyền tạm giữ có thể giao cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản phương tiện dưới sự quản lý của cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ (trừ các trường hợp theo quy định tại Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 115/2013/NĐ-CP), cụ thể:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm phải làm đơn gửi cơ quan có thẩm quyền tạm giữ đề nghị được giữ, bảo quản phương tiện; trong đơn ghi rõ họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm,

hành vi vi phạm hành chính, tên, số lượng, đặc điểm, chủng loại, số hiệu, nhãn hiệu, ký hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, số máy, số khung, dung tích (nếu có), tình trạng của phương tiện, nơi giữ, bảo quản phương tiện.

Cá nhân vi phạm khi gửi đơn, phải gửi kèm theo bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú hoặc giấy xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi cá nhân vi phạm đang công tác; đối với tổ chức vi phạm phải gửi kèm theo giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi tổ chức đóng trụ sở hoạt động.

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan có thẩm quyền tạm giữ phải xem xét, quyết định việc giao phương tiện cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp, cần phải có thêm thời gian để xác minh thì trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan có thẩm quyền tạm giữ phải xem xét, quyết định việc giao phương tiện cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản. Trường hợp không giao phương tiện cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản phải nêu rõ lý do.

2. Cơ quan có thẩm quyền tạm giữ phương tiện có trách nhiệm quản lý, bảo quản phương tiện vi phạm từ khi ra quyết định tạm giữ cho đến khi giao phương tiện cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản.

3. Khi giao phương tiện cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản, người có thẩm quyền tạm giữ phải lập biên bản theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 115/2013/NĐ-CP và tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký phương tiện để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm đã đặt tiền bảo lãnh). Việc tạm giữ giấy chứng nhận phải được lập thành biên bản; trong biên bản ghi rõ ngày, tháng, năm tạm giữ giấy chứng nhận; họ tên, chức vụ của người có thẩm quyền tạm giữ; tên tổ chức, cá nhân bị tạm giữ giấy chứng nhận; lý do, thời hạn tạm giữ. Biên bản phải có chữ ký của tổ chức, cá nhân bị tạm giữ giấy chứng nhận và người có thẩm quyền tạm giữ; biên bản được lập thành hai bản, mỗi bên giữ một bản.

Tổ chức, cá nhân được giao giữ, bảo quản phương tiện có trách nhiệm đưa phương tiện về nơi tự bảo quản.

4. Tổ chức, cá nhân trong thời gian được giao giữ, bảo quản phương tiện không được tự ý thay đổi nơi giữ, bảo quản; trường hợp cần thay đổi nơi giữ, bảo quản phải được sự đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền tạm giữ. Nơi giữ, bảo quản phương tiện được thay đổi phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 115/2013/NĐ-CP.

Điều 8. Đặt tiền bảo lãnh phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính

Đặt tiền bảo lãnh phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 15.Nghị định số 115/2013/NĐ-CP và các quy định sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm phải làm đơn gửi cơ quan có thẩm quyền tạm giữ đề nghị được giữ, bảo quản phương tiện; trong đơn ghi rõ họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm, hành vi vi phạm hành chính, tên, số lượng, đặc điểm, chủng loại, số hiệu, nhãn hiệu, ký hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, số máy, số khung, dung tích (nếu có), tình trạng của phương tiện, nơi giữ, bảo quản phương tiện.

2. Thời hạn xem xét, quyết định việc giao phương tiện cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản và trách nhiệm quản lý, bảo quản phương tiện vi phạm trong thời gian xem xét, quyết định việc giao cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản được thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm đã đặt tiền bảo lãnh trong thời gian được giao giữ, bảo quản phương tiện nếu sử dụng phương tiện hoặc cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng phương tiện được giao giữ, bảo quản để đưa xe trái phép, chống người thi hành công vụ, gây rối trật tự công cộng, gây tai nạn giao thông hoặc sử dụng làm phương tiện để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác thì sẽ chuyển phương tiện vi phạm đó về nơi tạm giữ theo quy định. Hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm đưa phương tiện về nơi tạm giữ theo quy định. Trường hợp không thể tự đưa phương tiện về nơi tạm giữ hoặc không tự giác chấp hành thì người ra quyết định tạm giữ phương tiện tổ chức việc đưa phương tiện về nơi tạm giữ; tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu chi phí cho việc đưa phương tiện về nơi tạm giữ.

4. Tổ chức, cá nhân đặt tiền bảo lãnh cho người có thẩm quyền tạm giữ phương tiện. Mức tiền đặt bảo lãnh ít nhất phải bằng mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt quy định cho một hành vi vi phạm; trường hợp thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong cùng một vụ vi phạm thì mức tiền đặt bảo lãnh ít nhất phải bằng tổng mức tiền phạt tối đa của các hành vi vi phạm.

Người có thẩm quyền tạm giữ phương tiện sau khi nhận tiền đặt bảo lãnh phải chuyển ngay số tiền đó vào bộ phận tài vụ của cơ quan người có thẩm quyền tạm giữ để quản lý; trường hợp người có thẩm quyền tạm giữ phương tiện để mất tiền đặt bảo lãnh hoặc sử dụng tiền đặt bảo lãnh thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật và phải bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

5. Việc đặt tiền bảo lãnh và trả lại tiền đặt bảo lãnh phải được lập thành biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm đặt tiền bảo lãnh, trả lại tiền đặt bảo lãnh; họ, tên, chức vụ của người quyết định cho đặt tiền bảo lãnh; tên tổ chức, cá nhân đặt tiền bảo lãnh, nhận lại tiền đặt bảo lãnh; lý do đặt tiền bảo lãnh, nhận lại tiền đặt bảo lãnh; mức tiền đặt bảo lãnh; thời hạn đặt tiền bảo lãnh; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đặt tiền bảo lãnh. Biên bản phải có chữ ký của người có thẩm quyền quyết định cho đặt tiền bảo lãnh và tổ chức, cá nhân đặt tiền bảo lãnh. Biên bản được lập thành hai bản, mỗi bên giữ một bản.

Điều 9. Trình tự, thủ tục trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ

1. Việc trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ phải có quyết định trả lại bằng văn bản của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ.

2. Khi trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ, người được giao nhiệm vụ quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện tiến hành các thủ tục sau:

a) Kiểm tra quyết định trả lại; kiểm tra Chứng minh nhân dân và giấy tờ khác có liên quan của người đến nhận.

Người đến nhận lại tang vật, phương tiện phải là người vi phạm có tang vật, phương tiện bị tạm giữ hoặc đại diện tổ chức vi phạm hành chính đã được ghi trong quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Nếu những người nêu trên ủy quyền cho người khác đến nhận lại tang vật, phương tiện thì phải lập văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

b) Yêu cầu người đến nhận lại tang vật, phương tiện đối chiếu với biên bản tạm giữ để kiểm tra về tên, số lượng, đặc điểm, chủng loại, số hiệu, nhãn hiệu, ký hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, số máy, số khung, dung tích (nếu có), tình trạng của tang vật, phương tiện bị tạm giữ dưới sự chứng kiến của cán bộ quản lý.

c) Lập biên bản trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

Điều 10. Thu, nộp, quản lý, sử dụng phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ

1. Tang vật, phương tiện bị tạm giữ do vi phạm hành chính nhưng chưa đến mức bị tịch thu được trả lại cho tổ chức, cá nhân vi phạm thì khi đến nhận lại tang vật, phương tiện, tổ chức, cá nhân vi phạm phải nộp phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện trong thời gian bị tạm giữ.

Không thu phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản trong thời gian tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ nếu chủ tang vật, phương tiện không có lỗi trong việc vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp tịch thu đối với tang vật, phương tiện hoặc tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản phương tiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 115/2013/NĐ-CP.

2. Cơ quan của người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện (trong trường hợp tự tổ chức lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ) hoặc tổ chức được cơ quan của người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện thuê để lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện được thu phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

3. Mức phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ; việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 7 tháng 12 năm 2014 và thay thế Thông tư số 41/2010/TT-BCA ngày 04/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 70/2006/NĐ-CP ngày 24/7/2006 và Nghị định số 22/2009/NĐ-CP ngày 24/02/2009 về quản lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính trong Công an nhân dân.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an để kịp thời hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các Tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, V19.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Trần Đại Quang